

Số: 325/TB-TĐHHN

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

**Về việc công khai nội dung, dự toán kinh phí đề tài
“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp tạo lập quỹ đất phục vụ
phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Ninh Bình”**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 129/2007/TTLT/BTC-BKHCN ngày 02/11/2007 của Bộ Tài Chính-Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ: Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ: Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 17/03/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Hợp đồng số 15/ĐT-KHCN 2021 ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Ninh Bình (Bên đặt hàng) với Cơ quan chủ trì Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và Chủ nhiệm đề tài Nguyễn Thị Khuyu (Bên nhận đặt hàng);

Đơn vị chủ trì (Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội) thông báo công khai nội dung đề tài **“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp**



tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Ninh Bình”, tại đơn vị chủ trì và ngoài phạm vi đơn vị chủ trì như sau:

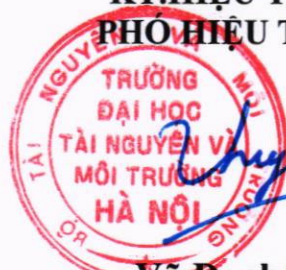
- * Nội dung và số liệu công khai (theo phụ lục 1, 2 đính kèm)
- * Hình thức công khai:
 - Gửi Thông báo bằng văn bản đến các đơn vị trực thuộc.
 - Đăng trên Website Nhà trường.

Nơi nhận:

- Sở KH và CN tỉnh Ninh Bình (thay báo cáo);
- Thường trực HĐT (để b/c);
- Các đơn vị Phòng, Khoa, Tr.tâm trực thuộc trường;
- Website trường;
- Chủ nhiệm đề tài;
- Lưu VT, KHTC, KHCN.

(Signature)

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Vũ Danh Tuyên

ÊN
TR
ĐẠI
NG
ĐI T
HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

THÔNG BÁO CÔNG KHAI

NỘI DUNG ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH NAM ĐỊNH

(Phụ lục 1 kèm theo Thông báo số 325 /TĐHHN ngày 25 tháng 01 năm 2021)

1. Tên đề tài: “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển Kinh tế - Xã hội tỉnh Ninh Bình”

2. Chủ nhiệm đề tài và các thành viên chính tham gia thực hiện đề tài:

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Chức danh thực hiện đề tài ²	Tổ chức công tác
1	TS. Nguyễn Thị Khuy	Chủ nhiệm đề tài	Trường Đại học TN&MT HN
2	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Thư ký đề tài	Trường Đại học TN&MT HN
3	ThS. Thái Thị Lan Anh	Kế toán, Thành viên chính	Trường Đại học TN&MT HN
4	ThS. Đinh Duy Khánh	Thành viên	UBND tỉnh Ninh Bình
5	ThS. Nguyễn Bá Nam	Thành Viên	Bộ Tài nguyên và Môi trường
6	TS. Nguyễn Văn Bài	Thành viên	Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang
7	ThS. Nguyễn Lê Diệu Linh	Thành Viên	Trường Đại học TN&MT HN
8	KS. Trần Thị Diệu Linh	Thành viên	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Bình
9	ThS. Lưu Thùy Dương	Thành Viên chính	Trường Đại học TN&MT HN
10	ThS. Hoàng Phương Anh	Thành viên chính	Trường Đại học TN&MT HN

3. Mục tiêu của đề tài

Mục tiêu chung :

- Nghiên cứu thực trạng và tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến công tác tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình.
- Đề xuất một số giải pháp tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Mục tiêu cụ thể:

- Đánh giá thực trạng phát triển quỹ đất, nghiên cứu nhu cầu và khả năng phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình đến năm 2025.

- Đề xuất một số giải pháp tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Ninh Bình là có ý nghĩa quan trọng để góp phần bổ sung thêm cơ sở lý luận và thực tiễn về tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như các địa phương khác.

4. Các nội dung nghiên cứu khoa học công nghệ chính phải thực hiện

- **Nội dung 1:** Tổng quan về công tác tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội.

- **Nội dung 2:** Điều tra, khảo sát về thực trạng lập nhu cầu phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Bình.

- **Nội dung 3:** Đánh giá thực trạng liên quan đến công tác tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình.

- **Nội dung 4:** Đánh giá thực trạng các nguồn tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình.

- **Nội dung 5:** Nghiên cứu tác động và yếu tố ảnh hưởng của công tác tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020.

- **Nội dung 6:** Đề xuất giải pháp tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

5. Thời gian thực hiện đề tài: 28 tháng (Từ tháng 01/2021 đến tháng 05/2023)

6. Kinh phí thực hiện đề tài:

6.1 Hình thức khoán thực hiện đề tài: Khoán từng phần theo quy định

6.2 Tổng số kinh phí (từ ngân sách nhà nước cấp): **1.210.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm mười triệu đồng chẵn), trong đó:

- **Cấp kinh phí năm 2021 với tổng số kinh phí là: 910.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm mười triệu đồng chẵn)

+ Đợt 1: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên A cấp cho bên B tối đa 50% giá trị kinh phí thực hiện năm 2021, tương đương với 455.000.000 (bằng chữ: Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn) để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng năm thứ nhất (10 tháng).

+ Đợt 2: Sau khi bên A đánh giá, xác nhận khối lượng công việc và kinh phí đã thực hiện của bên B, Bên A xem xét để cấp tiếp 50% kinh phí thực hiện năm 2021 còn lại, tương đương 455.000.000 (bằng chữ: Bốn trăm năm mươi lăm triệu đồng chẵn) để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng năm thứ nhất (10 tháng).

- **Cấp kinh phí năm 2022 với tổng số kinh phí là: 300.000.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn)

+ Đợt 1: Sau khi bên A đánh giá xác nhận khối lượng công việc và kinh phí đã thực hiện của Bên B, Bên A xem xét để quyết định cấp 50% giá trị kinh phí năm 2022, tương đương với 150.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng kỳ thứ hai (5 tháng).

+ Đợt 2: Sau khi bên A đánh giá xác nhận khối lượng công việc và kinh phí đã thực hiện của Bên B, Bên A xem xét để quyết định cấp tiếp 50% giá trị kinh phí năm 2022, tương đương với 150.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn) sau khi Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ tư vấn đánh giá từ mức “Đạt” trở lên.

7. Các kết quả phải đạt được sau khi đề tài kết thúc:

1. Tổng quan về công tác tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội.
 2. Đánh giá thực trạng liên quan đến công tác tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình.
 3. Đánh giá thực trạng quỹ đất đã thu hồi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
 4. Đánh giá thực trạng các nguồn tạo lập quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
 5. Đánh giá thực trạng các nguồn tạo lập quỹ đất do biến động trong quá trình sử dụng, quản lý trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
 6. Nghiên cứu tác động và yếu tố ảnh hưởng của công tác tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Ninh Bình.
 7. Đề xuất giải pháp tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Ninh Bình.
 8. Bản đồ hiện trạng và định hướng tạo lập quỹ đất đến năm 2025 của tỉnh và các đơn vị hành chính cấp huyện (01 bản đồ của tỉnh, 08 bản đồ của các huyện, thành phố).
3. Báo cáo tổng kết đề tài.

**THÔNG BÁO CÔNG KHAI DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH NINH BÌNH**

(Phụ lục 2 kèm theo Thông báo số 825 /TĐHHN, ngày 25 tháng 01 năm 2021)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán kinh phí được duyệt	Ghi chú
	TỔNG KINH PHÍ	1.210.000.000	
I	Tiền công lao động trực tiếp	332.493.500	
1	Xây dựng thuyết minh đề tài	8.537.700	
2	Tổng quan về công tác tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội	31.379.400	
3	Điều tra, khảo sát về thực trạng lập nhu cầu phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Bình	20.621.600	
4	Đánh giá thực trạng liên quan đến công tác tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình	29.978.800	
5	Đánh giá thực trạng các nguồn tạo lập quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình.	108.591.200	
6	Nghiên cứu tác động và yếu tố ảnh hưởng của công tác tạo lập quỹ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016 - 2020	29.472.200	
7	: Đề xuất giải pháp tạo lập quỹ đất phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Bình đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030	87.731.200	
8	Viết báo cáo tổng kết đề tài	16.181.400	
II	Thuê chuyên gia trong nước	96.000.000	
III	Chi khác	781.506.500	
2	Chi quản lý của cơ quan chủ trì	70.000.000	
3	Hội nghị nghiệm thu cơ sở	5.110.000	
4	Hội thảo, hội nghị tập huấn	36.130.000	
5	In ấn tài liệu, VPP	18.276.320	
7	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu, tài liệu về thực trạng tạo lập và nhu cầu phát triển quỹ đất tỉnh Ninh Bình.	100.800.000	
8	Xây dựng bản đồ hiện trạng và định hướng tạo lập quỹ đất đến năm 2025 của tỉnh và các đơn vị hành chính cấp huyện	525.190.180	
9	Chi phí đi lại, kiểm tra đề tài, báo cáo thanh quyết toán, kiểm t	26.000.000	